

Số: 962 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chương trình đào tạo**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

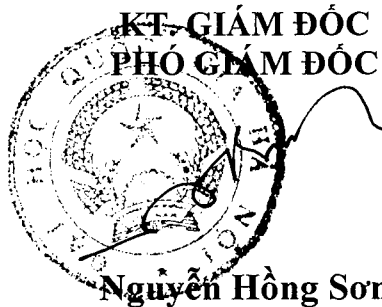
**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Quản lý phát triển đô thị.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Chủ nhiệm Khoa Các khoa học liên ngành, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, T10.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hồng Sơn**

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

**Chuyên ngành: Quản lý phát triển đô thị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 92/QĐ-ĐHQGHN, ngày 22 tháng 3 năm 2018  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

## **PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tên tiếng Việt: Quản lý phát triển đô thị
  - + Tên tiếng Anh: Urban Development Management
- Mã số chuyên ngành đào tạo: Chuyên ngành đào tạo thí điểm
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
  - + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý phát triển đô thị
  - + Tên tiếng Anh: Master in Urban Development Management
- Đơn vị đào tạo: Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội

### **2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

Đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng chuyên ngành Quản lý phát triển đô thị nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất tư cách đạo đức tốt, có trình độ học vấn vững vàng, có kiến thức thực tế về các lĩnh vực liên quan tới quản lý phát triển đô thị, có tư duy và cách tiếp cận liên ngành. Cụ thể:

- *Về kiến thức:* Học viên được trang bị và lĩnh hội được những kiến thức cơ bản, hiện đại liên quan tới các khía cạnh khác nhau trong quản lý phát triển đô thị, có kiến thức sâu, rộng về các công nghệ tích hợp hỗ trợ cho quản lý phát triển đô thị.

- *Về kỹ năng:* Học viên được trang bị và đạt được những kỹ năng cứng, kỹ năng mềm theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá một cách thành thạo các loại dữ liệu liên quan tới quản lý phát triển đô thị, khả năng sử dụng các công nghệ tích hợp phù hợp trong việc đưa ra giải

pháp xử lý vấn đề một cách khoa học. Học viên được trang bị kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động thực tế, đáp ứng nhu cầu của địa phương, cơ quan, ban ngành, doanh nghiệp...

- *Về năng lực*: Vận dụng tốt các kiến thức, kỹ năng được trang bị vào thực tế tại địa phương, đơn vị, vị trí công tác của người học. Tăng khả năng hội nhập quốc tế thông qua việc tham gia các dự án, diễn đàn quốc tế về quản lý phát triển đô thị.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Môn thi tuyển sinh**

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực (thuộc khối tự nhiên và công nghệ)
- Môn thi Cơ sở: Lịch sử phát triển đô thị
- Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh có đủ các điều kiện quy định dưới đây được dự thi vào đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý phát triển đô thị:

##### *a) Điều kiện về văn bằng*

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành/nhóm ngành phù hợp với chuyên ngành Quản lý phát triển đô thị (quy định tại mục 3.3.a).

- Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành/nhóm ngành khác (quy định tại mục 3.3.b) và đã có chứng nhận hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức với 7 học phần (21 tín chỉ) (quy định tại mục 3.4).

##### *b) Điều kiện về kinh nghiệm công tác chuyên môn*

Chương trình không yêu cầu bắt buộc về kinh nghiệm công tác.

#### **3.3. Danh mục ngành/nhóm ngành phù hợp và ngành/nhóm ngành khác được phép dự tuyển**

a) *Ngành/nhóm ngành phù hợp*: Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng (75101), Kiến trúc và quy hoạch (75801), Quản lý xây dựng (75803), Xây dựng (75802), Lâm nghiệp đô thị (7620202), Mỹ thuật đô thị (7210110).

b) *Ngành/nhóm ngành khác*: Quản lý tài nguyên và môi trường (78501), Quản lý nhà nước (7310205), Quản trị - Quản lý (73404), Luật (73801), Kinh tế học (73101), Quản lý văn hóa (7229042), Quản lý công nghiệp (75107), Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa (75205), Xã hội học và Nhân học (73103), Địa chất học (7440201),

Địa lí tự nhiên (7440217), Khoa học môi trường (74403), Công nghệ thông tin (74802), Địa lí học (73105), Báo chí và truyền thông (73201), Kinh doanh (73401), Thống kê (74602), Bản đồ học (7440212), Khác: 73490 (thuộc nhóm ngành Kinh doanh và quản lí), Khác: 75890 (thuộc nhóm ngành Kiến trúc và xây dựng), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402), Phát triển nông thôn (7620116), Công tác xã hội (77601), Máy tính (74801).

### 3.4. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Cơ sở hạ tầng kĩ thuật đô thị	03
2	Quản lí đô thị & chính sách đô thị	03
3	Quy trình & phương pháp lập quy hoạch	03
4	Quy hoạch phát triển đô thị bền vững	03
5	Vật liệu kết cấu đô thị	03
6	Quản lí hạ tầng kĩ thuật đô thị	03
7	Phong thủy kiến trúc cơ bản	03
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>27</b>

*Ghi chú:*

- Việc tổ chức bổ sung kiến thức và cấp giấy chứng nhận kèm theo bảng điểm cho các thí sinh đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức do Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thực hiện. Lịch tổ chức bổ sung kiến thức và các quy định về chương trình bổ sung kiến thức được thông báo công khai trên website của Khoa Các khoa học liên ngành ít nhất 15 ngày trước khi tổ chức bổ sung kiến thức.

- Trường hợp trong bảng điểm đại học của thí sinh đã có học phần nào thì sẽ được xem xét để miễn học bổ sung học phần đó.

**3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh:** 30- 50 học viên/năm.

## PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

a) Kiến thức chung trong ĐHQGHN

- Học viên có các kiến thức chung, nền tảng về phương pháp luận, thế giới quan, nhân sinh quan theo các tư tưởng triết học duy vật biện chứng hiện đại;

- Học viên có trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

***b) Kiến thức cơ sở và chuyên ngành***

- Có khả năng tổng hợp, phân tích và áp dụng các kiến thức liên ngành về sự hình thành và phát triển của các hình thái đô thị trong tiến trình lịch sử phát triển của đô thị trên thế giới và Việt Nam bao gồm tổ chức không gian đô thị, quy hoạch không gian đô thị của thế giới và Việt Nam; có kiến thức về di sản đô thị của thế giới và Việt Nam;

- Phân tích và áp dụng được kiến thức liên ngành về các vấn đề dân cư, văn hóa và xã hội đô thị, các vấn đề về kinh tế tài chính đô thị, hoạch định chính sách; tổng hợp và đánh giá được các tác động của chúng trong nền kinh tế thị trường;

- Vận dụng được kiến thức về tài nguyên đô thị ở các khía cạnh thiên nhiên, con người, kinh tế, xã hội vào các vấn đề thuộc lĩnh vực công tác theo vị trí chuyên môn của người học;

- Vận dụng được các kiến thức về quy hoạch chiến lược cho phát triển đô thị, quy hoạch không gian đô thị; phân tích ảnh hưởng của chúng tới việc triển khai quy hoạch đô thị và hạ tầng đô thị.


***c) Yêu cầu đối luận văn tốt nghiệp***

- Luận văn đề cập một cách hệ thống tới các vấn đề, chủ đề liên quan tới hướng chuyên môn của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý phát triển đô thị;

- Luận văn nhằm giải quyết tương đối trọn vẹn một vấn đề của thực tiễn liên quan tới quản lý phát triển đô thị, trong đó trình bày phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu rõ ràng, cách tiếp cận, nhận diện vấn đề thực tiễn một cách hợp lý, từ đó đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề (mà mình đặt ra) và xây dựng lộ trình giải quyết vấn đề.

**2. Chuẩn về kĩ năng**

***a) Kĩ năng nghề nghiệp***

- Kĩ năng nâng cao và thực hành lập đồ án cho việc thiết kế đô thị, từ đó vận dụng vào các đồ án giải quyết các vấn đề thực tế diễn ra tại cơ quan, địa phương; 

- Kỹ năng phát hiện, nhận dạng và phân tích hình thái đô thị, có thể so sánh và đánh giá các loại hình đô thị;

- Kỹ năng vận dụng một số công cụ quy hoạch không gian đô thị trong các trường hợp cụ thể, lồng ghép, tích hợp các yếu tố môi trường đô thị, dân cư đô thị, kinh tế tài chính đô thị, xã hội đô thị, quy hoạch, kiến trúc đô thị vào công tác quản lý phát triển đô thị;

- Khả năng sáng tạo trong đề xuất áp dụng các vấn đề lồng ghép, tích hợp phù hợp với từng lĩnh vực công tác;

- Kỹ năng nhận biết và đánh giá sự tham gia của xã hội trong quá trình quản lý phát triển đô thị; có khả năng giải quyết các vấn đề công cộng nảy sinh liên quan đến xã hội đô thị;

- Kỹ năng xác định mối quan hệ liên ngành của một vấn đề đô thị, xây dựng quan hệ và hợp tác, khả năng lãnh đạo và tổ chức trong nhận diện các bài toán liên ngành của thực tiễn quản lý đô thị;

- Khả năng tiếp cận, vận dụng và tổ chức khai thác sử dụng các phần mềm, công cụ công nghệ thông tin phục vụ cho các bài toán quản lý phù hợp với yêu cầu.

### ***b) Kỹ năng bổ trợ***

#### *Các kỹ năng cá nhân*

- Kỹ năng viết báo cáo;
- Kỹ năng tự học;
- Kỹ năng triển khai và quản lý hoạt động nghiên cứu;
- Kỹ năng đặt mục tiêu và định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học;
- Kỹ năng tra cứu, tham khảo tài liệu khoa học.

#### *Làm việc theo nhóm*

- Kỹ năng giao tiếp về khoa học;
- Kỹ năng thuyết trình, thảo luận;
- Kỹ năng phân công và triển khai công việc của nhóm;
- Kỹ năng kiểm soát hoạt động của nhóm;
- Kỹ năng tích hợp các kết quả nghiên cứu của nhóm.

*Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ*



- Tiếng Anh - kĩ năng nghe, nói: tham gia, thực hiện các báo cáo tại các hội nghị, diễn đàn quốc tế;

- Tiếng Anh - kĩ năng đọc, viết; đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, viết các báo cáo khoa học, bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, quốc tế.

### **3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

#### ***a) Trách nhiệm công dân***

- Kĩ năng sống hòa nhập cộng đồng;

- Tinh thần dân tộc, yêu nước trong hoạt động chuyên môn.

#### ***b) Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ***

- Có phẩm chất kiên trì, linh hoạt, luôn có tư duy phản biện, sáng tạo để thể hiện kiến thức, năng lực và thái độ tích cực của mình trước các vấn đề mà khoa học và thực tiễn đặt ra;

- Luôn có ý thức chia sẻ, phổ biến kiến thức và tính cộng tác với cộng đồng;

- Có ý thức không ngừng trau dồi và đổi mới trong công tác chuyên môn của mình nói riêng và các vấn đề xã hội nói chung;

- Có ý thức tự giác, tự rèn luyện bản thân, sẵn sàng đón nhận những kiến thức mới, bổ trợ các chuyên môn cần thiết cho công việc;

- Có tư duy nghiên cứu, tranh luận, giải quyết các vấn đề. Có tinh thần chia sẻ kiến thức chuyên môn, tư tưởng tiến bộ hoàn thành công việc.

### **4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Cán bộ quản lí và cán bộ chuyên môn tại các Viện Quy hoạch - Kiến trúc của các địa phương;

- Cán bộ quản lí, chuyên viên công tác tại các cơ quan của các ban, ngành ở trung ương và địa phương liên quan tới phát triển đô thị (Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch-Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải...);

- Cán bộ, chuyên viên tại các đơn vị tham mưu thuộc các cơ quan của trung ương và địa phương (Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các Ban chức năng của Trung ương), tham gia công tác hoạch định, xây dựng chính sách, lồng ghép các nội dung quản lí phát triển đô thị vào chiến lược phát triển của địa phương, các khu đô thị và các khu vực phụ cận;



- Cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn tại các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, tổ chức phi chính phủ quốc tế và Việt Nam thuộc lĩnh vực đô thị và vùng đô thị, đặc biệt chú trọng tới các vấn đề về phát triển đô thị (định cư, di cư, sinh kế, cộng đồng, môi trường, thể chế...);

- Cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc, phát triển cơ sở hạ tầng đô thị; Các nhà đầu tư, kinh doanh bất động sản.

## **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

*Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề*

- Phát hiện và hình thành vấn đề
- Tổng quát hóa vấn đề
- Tư duy logic và phân tích hệ thống
- Kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề
- Kỹ năng phân tích định lượng vấn đề
- Phân tích, xác định các vấn đề trọng tâm và kỹ năng giải quyết
- Đưa ra giải pháp và kiến nghị.

*Nghiên cứu và khám phá kiến thức*

- Phát hiện các vấn đề và liên hệ giữa chúng
- Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu
- Nghiên cứu và phân tích kết quả thực nghiệm
- Kiểm định giả thuyết
- Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin
- Tư duy sáng tạo
- Tư duy phản biện và biện luận vấn đề.

*Hiểu bối cảnh xã hội và ngoại cảnh*

- Trách nhiệm của cá nhân đối với xã hội
- Nhận thức vai trò của Quản lý phát triển đô thị đối với xã hội
- Nhu cầu của xã hội đối với kiến thức quản lý phát triển đô thị
- Bối cảnh lịch sử và văn hóa địa phương, vùng miền
- Bối cảnh đất nước, bối cảnh toàn cầu.

*Hiểu bối cảnh tổ chức*

- Nhận thức chiến lược, mục tiêu và nhiệm vụ của đơn vị công tác



- Kiến thức quản lí phát triển đô thị đối với hoạt động của đơn vị.

*Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn*

- Thiết lập mục tiêu (dựa trên nhu cầu và bối cảnh xã hội)
- Mô hình hóa ý tưởng và đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

## 6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo.

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp  
*Urban Development and Management, Master of Science (Msc)*

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: *Erasmus University Rotterdam, Hà Lan*

<https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/erasmus-university-rotterdam#ranking-dataset/589595>

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: 69/TOP 200

<https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2017/world-ranking>

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	<b>64 tín chỉ</b> , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	<b>7 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	<b>48 tín chỉ</b>
+ Bắt buộc:	27 tín chỉ
+ Tự chọn:	21/66 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ:	<b>9 tín chỉ</b>

### 2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		7				
1.	PHI 5001	Triết học (Philosophy)	3	45	0	0	
2.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <sup>(*)</sup> (General English)	4	30	30	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		48				
II.1.	Các học phần bắt buộc		27				
3.	SIS 6041	Hình thái đô thị với bối cảnh phát triển (Urban Complexion in the Context of Development)	3	20	15	10	
4.	GLO 6042	Phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh đô thị hoá (Urban Sustainable Development in Urbanization)	3	20	15	10	
5.	SOC 6043	Dân số đô thị, di cư và di động xã hội (Urban Population, Emigration and Social Mobility)	3	20	15	10	
6.	PEC 6044	Kinh tế, tài chính đô thị và hoạch định chính sách (Urban Economics, Finance and Policy Making)	3	20	15	10	
7.	GEO 6046	Đô thị có sức chống chịu với Biến đổi khí hậu (Urban Resistance to Climate Change)	3	20	15	10	
8.	ASL 6047	Luật pháp và chính quyền đô thị gắn với chính sách phát triển (Urban Law and Government with Development Policies)	3	20	15	10	
9.	GEO 6048	Quy hoạch chiến lược tích hợp trong phát triển lãnh thổ đô thị (Strategic Planning integrated into urban territory development)	3	20	15	10	
10.	INT 6049	Hạ tầng thông tin không gian cho quản lí phát triển đô thị (Spatial Information Infrastructure in Urban Development Management)	3	20	15	10	
11.	SIS 6050	Đồ án thực hành (Practice Project)	3	15	20	10	
II.2	Các học phần tự chọn		21/66				
12.	GEO 6081	Các công cụ quy hoạch không gian (Tools for Space Planning)	3	15	15	15	SIS 6041, GLO 6042
13.	CRE 6082	Thiết kế tích hợp công trình xanh (Green Construction Integrated Design)	2	10	15	5	SIS 6041, GLO 6042

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	PEC 6083	Nhà ở và sinh kế đô thị với chính sách phát triển (Urban Housing and Subsistence in Development Policies)	3	15	15	15	SIS 6041, GLO 6042
15.	SOC 6084	Sinh kế cư dân đô thị (Urban Citizens's livelihood)	2	10	15	5	SOC 6043
16.	SOC 6085	Văn hóa và lối sống cư dân đô thị (Cutures and Life styles of Urban Citizens)	3	15	15	15	SOC 6043
17.	SOC 6086	Phân hóa, phân tầng và bất bình đẳng đô thị (Urban Divergence, Stratification and Inequality)	3	15	15	15	SOC 6043
18.	MNS 6087	Quản lý bảo tồn di sản đô thị có sự tham gia của cộng đồng (Management and Conservation for Urban heritage with community participatory)	3	15	15	15	SOC 6043
19.	SOC 6088	Các vấn đề xã hội đô thị (Problems in Urban Society)	2	10	15	5	SOC 6043
20.	PEC 6089	Kinh tế công cộng và chính sách công (Public Economics and Policies)	3	15	15	15	PEC 6044
21.	PEC 6090	Kinh tế phát triển cho đô thị và vùng đô thị (Urban and Sub-urban Development Economics)	3	15	15	15	PEC 6044
22.	MNS 6091	Quản lý hạ tầng tài chính đô thị (Financial Infrastructure Management)	2	10	15	5	PEC 6044
23.	MNS 6092	Quản lý dịch vụ công cộng đô thị (Management Urban Puclic Services)	3	15	15	15	PEC 6044
24.	CRE 6103	Tiếp cận dựa trên hệ sinh thái trong quản lý đô thị (Ecosystem-based approach of urban development management)	3	15	15	15	GEO 6046
25.	CRE 6093	Lồng ghép tích hợp môi trường trong quản lý và quy hoạch đô thị (Enviroment Integration into Urban Management and Planning)	3	15	15	15	GEO 6046
26.	PEC 6094	Kinh tế tài nguyên và tăng trưởng xanh trong phát triển đô thị (Economics of Natural Resources and Green Growth for Urban Development)	3	15	15	15	GEO 6046

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
27.	SIS 6095	Phát triển kỹ năng chuyên nghiệp cho chuyên gia đô thị (Professional skill Development for Urban Experts)	2	10	15	5	ASL 6047 GEO 6048
28.	MNS 6096	Xu hướng và mô hình trong chính sách nhà ở cho đại chúng (Trends and Models in Housing Policy for Public)	3	15	15	15	ASL 6047
29.	SIS 6097	Kế hoạch hành động với hợp tác phát triển các dự án đô thị (Action Plan and Development Cooperation in Urban Projects)	3	15	15	15	ASL 6047 GEO 6048
30.	GLO 6098	Quản lý phát triển hạ tầng kỹ thuật và không gian ngầm đô thị (Development Management for Urban Underground Space and Infrastructures)	3	15	15	15	ASL 6047 GEO 6048
31.	SIS 6099	Phương pháp phân tích thực nghiệm (Methods of Experimental Analyses)	3	15	15	15	INT 6049
32.	GLO6100	Phương pháp phân tích cấu trúc không gian đô thị (Methods of Analysing Urban Space Structures)	3	15	15	15	INT 6049
33.	MAT 6013	Thống kê ứng dụng (Applied Statistics)	3	25	15	5	
34.	SIS 6101	Thực tập liên ngành về quản lý phát triển đô thị (Interdisciplinary Internship)	3	15	15	15	SIS 6050
35.	SIS 6102	Hội thảo chuyên đề (Seminars)	2	10	15	5	SIS 6050
36.	SIS 7205	<b>Luận văn (Thesis)</b>	<b>9</b>				
		<b>Tổng cộng (Total)</b>	<b>64</b>				

**Ghi chú:** (\*) Học phần Tiếng Anh cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.